

休日急患センター Holiday Emergency Clinics (Miyazaki City) 休みの日に 行ける 病院 Cơ sở y tế trực ngày nghỉ
Klinik darurat pada hari libur 休みの日に 行ける 病院 Cơ sở y tế trực ngày nghỉ

Dates: May 3 (Sun), May 4 (Mon), May 5 (Tue), May 6 (Wed)
Hours: 9:00 AM – 5:00 PM
 Please note that schedules may change.
 Consultation hours may vary depending on each clinic.

For medical care between 7:00 PM and 7:00 AM, please visit the following:
 Từ 19:00 đến 7:00 sáng hôm sau, vui lòng đến Trung tâm cấp cứu ban đêm thành phố Miyazaki.
 Untuk layanan medis pukul 19.00-07.00, silakan pergi ke Pusat Layanan Medis Darurat Malam Kota Miyazaki.
 19:00 y 7:00 sáng hôm sau, vui lòng đến Trung tâm cấp cứu ban đêm thành phố Miyazaki.

Miyazaki City Night Emergency Medical Center		
Internal Medicine / Surgery - Nội khoa / Ngoại khoa	-Penyakit dalam / Bedah	1173 Arita, Miyazaki City (Inside Ikoma-no-Mori Medical Disaster Center)
TEL: 0985-77-9915		
Pediatrics - Nhi khoa	-Anak / Pediatr	S-30 Kitakamatsu-cho, Miyazaki City (Miyazaki Prefectural Hospital Annex)
TEL: 0985-29-0119		

This information is available on the Miyazaki Medical Association website.

Date	Area	Dept(JP)	Dept(Easy JP)	Dept(EN)	Dept(VI)	Dept(ID)	Dept(MY)	Clinic Name(JP)	Address(JP)	Phone		
2026-05-03	宮崎市 Miyazaki	小	こども	Pediatrics	Nhi khoa	Anak	ນະຄອນລາວ	たかむら小児クリニック	大塚町西六丁目2207-1	0985-52-8181		
		内 小	ないか-こども	Internal / Pediatrics	Nội / Nhi	Dalam / Anak	အတွင်း / ဝေးလံ	ふんふんファミリークリニック	大字奥之内7069-2	0985-39-3331		
		内	ないか	Internal Medicine	Nội khoa	Dalam	အတွင်း / ဝေးလံ	へびぞろ高倉内科	北川内町字乱橋 3608-11	0985-52-6757		
		内	ないか	Internal Medicine	Nội khoa	Dalam	အတွင်း / ဝေးလံ	境内科医院	大字本郷南2102	0985-56-5500		
		脳外 リハ	のう-リハビリ	Neurosurgery / Rehab	Ngôi TK / PHCN	Saraf / Rehab	Đầu não / Phục hồi chức năng	Điêu trị / Phục hồi chức năng	ありかクリニック	大塚町西六丁目2219番地 1	0985-86-7272	
		外科 消化	げか-ないか-しょうか	Surgery / Internal / Gastro	Ngôi / Nội / Tiêu hóa	Bedah / Dalam / Pencernaan	Điêu trị / Trong / Tiêu hóa	Điêu trị / Trong / Tiêu hóa	オーシャンクリニック	大島町前田 310-1	0985-25-7722	
		整形外科	げか	Orthopedics / Surgery	Chỉnh hình / Ngoại	Ortopedi / Bedah	Chỉnh hình / Ngoại	Chỉnh hình / Ngoại	河野整形外科	大字奥之内 7309	0985-39-3313	
		整	ほね	Orthopedics	Chỉnh hình	Ortopedi	Chỉnh hình	Chỉnh hình	綜合整形外科クリニック	大字宇土 1038-1	0985-62-5211	
		耳鼻咽喉	みみ-はな-のど	ENT	Tai mũi họng	THT	Tai mũi họng	THT	まつた耳鼻咽喉科 音崎サージック	村角町折口 355-3	0985-72-8733	
		眼	め	Eye	Nhãn khoa	Mata	Nhãn khoa	Mata	たけお眼科	大島町国庫 160-2	0985-60-5000	
		皮膚	はだ	Dermatology	Da liễu	Kulit	Da liễu	Kulit	田嶋皮膚科医院	高松町 4-42	0985-23-2861	
		婦	じょせい	Gynecology	Phụ khoa	Ginekologi	Phụ khoa	Ginekologi	まつ婦人科クリニック	大字生目 215-1	0985-62-3555	
		清沢町 Kiyotake	内 消化内	ないか-しょうか	Internal / Gastro	Nội / Tiêu hóa	Dalam / Pencernaan	အတွင်း / ဝေးလံ	加納なら消化器・内視鏡クリニック	清沢町加納 382-5-2	0985-41-7188	
		高岡町 Kuntomi	内 胃 消化内	ないか-い-しょうか-こきゅう	Internal / Stomach / Gastro / Resp	Nội / Dạ dày / Tiêu hóa / Hô hấp	Dalam / Lambung / Pencernaan / Paru	အတွင်း / ဝေးလံ / အေး / အသက်ရှူ	田中外科胃腸科クリニック	高岡町本庄 1946	0985-75-8585	
		2026-05-04	宮崎市 Miyazaki	小	こども	Pediatrics	Nhi khoa	Anak	ນະຄອນລາວ	ひなた赤ちやんどもクリニック	吉村町 406-2	0985-89-3333
				内	ないか	Internal Medicine	Nội khoa	Dalam	အတွင်း / ဝေးလံ	このほな生協クリニック	鹿野 1613	0985-58-1222
				内 外科 消化内	ないか-げか-しょうか	Internal / Surgery / Gastro	Nội / Ngoại / Tiêu hóa	Dalam / Bedah / Pencernaan	အတွင်း / ဖြတ် / ဝေးလံ	生目自由/30クリニック	生目台東 4-6-1	0985-77-7501
				内 循環	ないか-しんぞう	Internal / Cardio	Nội / Tim mạch	Dalam / Jantung	အတွင်း / နှလုံး	すず内科クリニック	大島町 1143-3	0985-26-1513
外科	げか			Surgery	Ngôi khoa	Bedah	Điêu trị	Điêu trị	鹿和記念病院	小松 1119	0985-47-5555	
外科 消化内	げか-ないか-しょうか-リハ			Surgery / Internal / Gastro / Rehab	Ngôi / Nội / Tiêu hóa / PHCN	Bedah / Dalam / Pencernaan / Rehab	Điêu trị / Trong / Tiêu hóa / Phục hồi chức năng	Điêu trị / Trong / Tiêu hóa / Phục hồi chức năng	小島医院	横須町 78-1	0985-31-6001	
整	ほね			Orthopedics	Chỉnh hình	Ortopedi	Chỉnh hình	Chỉnh hình	佐元整形外科医院	佐土原町下田島 12372	0985-73-0633	
耳鼻咽喉	みみ-はな-のど			ENT	Tai mũi họng	THT	Tai mũi họng	THT	香田耳鼻咽喉科医院	佐土原町下田島 20063	0985-73-0020	
眼	め			Eye	Nhãn khoa	Mata	Nhãn khoa	Mata	大塚小松台眼科	大塚町 78-3	0985-75-0100	
皮膚	はだ			Dermatology	Da liễu	Kulit	Da liễu	Kulit	いきめ皮膚科	小松 3024-1	0985-72-7803	
泌尿	ひにょうき-ないか			Urology / Internal	Tiết niệu / Nội	Urologi / Dalam	Tiết niệu / Nội	Urologi / Dalam	南宮崎ヤマト腎泌尿器科	恒久 1383-1	0985-71-2888	
産婦	さんぷじんか			OB-GYN	Sản phụ khoa	Obgyn	Sản phụ khoa	Obgyn	花ヶ島ウイメンズクリニック	花ヶ島町 894	0985-25-8883	
清沢町 Kiyotake	整 リハ			ほね-リハビリ	Orthopedics / Rehab	Chỉnh hình / PHCN	Ortopedi / Rehabilitasi	Chỉnh hình / Phục hồi chức năng	かわはら整形外科リハビリテーションクリニック	清沢町加納 4丁目 20番	0985-67-6070	
高岡町 Takakia	内 循環			ないか-しんぞう	Internal / Cardio	Nội / Tim mạch	Dalam / Jantung	အတွင်း / နှလုံး	佐元病院	高岡町前田 2089-1	0985-82-3531	
2026-05-05	宮崎市 Miyazaki			小	こども	Pediatrics	Nhi khoa	Anak	ນະຄອນລາວ	ながやま小児科アレルギークリニック	丸山 2丁目 32-1	0985-22-7851
				糖尿病内	とうりょう-ないか	Diabetes / Internal	Nội tiết / Nội	Dalam / Diabetes	အိတ် / အတွင်း / ဝေးလံ	ながやま糖尿病内科	村角町反作 1433番 1	0985-61-3181
				内 消化 胃	ないか-しょうか-い	Internal / Gastro / Stomach	Nội / Tiêu hóa / Dạ dày	Dalam / Pencernaan / Lambung	အတွင်း / အေး / ဝေးလံ	ひろの内科クリニック	本郷北方 3582-1	0985-52-7311
				胃内	い-ないか	Stomach / Internal	Đạ dày / Nội	Lambung / Dalam	အေး / အတွင်း / ဝေးလံ	やまもと胃腸内科	本郷 4丁目 1-5-1	0985-82-6370
		胃 消化 内	い-こうもん-しょうか	Stomach / Proctology / Gastro	Đạ dày / Hậu môn / Tiêu hóa	Lambung / Anus / Pencernaan	အေး / အိတ် / အေး	いきめ大塚-肛門内科内科	浮田 3099	0985-48-2500		
		脳外	のう	Neurosurgery	Ngôi thần kinh	Bedah saraf	Đầu não thần kinh	Điêu trị thần kinh	かわそえクリニック	大島町 1445-65	0985-78-3077	
		整	ほね	Orthopedics	Chỉnh hình	Ortopedi	Chỉnh hình	Chỉnh hình	やまもと整形外科	赤内町 984-1	0985-89-5800	
		整	ほね	Orthopedics	Chỉnh hình	Ortopedi	Chỉnh hình	Chỉnh hình	ごとう整形外科	阿波崎原町 2011-3	0985-61-6161	
		耳鼻咽喉	みみ-はな-のど	ENT	Tai mũi họng	THT	Tai mũi họng	THT	佐土原病院	佐土原町上田島 3873	0985-74-0012	
		眼	め	Eye	Nhãn khoa	Mata	Nhãn khoa	Mata	すみよし中央眼科	島之内 7403	0985-86-8555	
		泌尿	ひにょうき-ないか	Urology / Internal	Tiết niệu / Nội	Urologi / Dalam	Tiết niệu / Nội	Urologi / Dalam	大工町すずえ腎泌尿器科 内科	大工町 1-10-28	0985-78-3010	
		婦	じょせい	Gynecology	Phụ khoa	Ginekologi	Phụ khoa	Ginekologi	おげレディスクリニック	横通東 4-6-1	0985-77-8288	
		清沢町 Kiyotake	皮膚	はだ	Dermatology	Da liễu	Kulit	Da liễu	たじり皮膚科医院	清沢町加納 2-41-1	0985-84-1110	
		高岡町 Takakia	整 内	ほね-ないか	Orthopedics / Internal	Chỉnh hình / Nội	Ortopedi / Dalam	Chỉnh hình / Trong	藤生整形外科クリニック	高岡町内山 3127	0985-82-0005	
		2026-05-06	宮崎市 Miyazaki	小	こども	Pediatrics	Nhi khoa	Anak	ນະຄອນລາວ	たかぎ小児科・心臓小児科	横通東 1丁目 12-13	0985-24-9032
				糖尿病内	とうりょう-ないか	Diabetes / Internal	Nội tiết / Nội	Dalam / Diabetes	အိတ် / အတွင်း / ဝေးလံ	ながやま糖尿病内科	大塚町西 1-1-44	0985-47-0777
				内 消化 胃	ないか-しょうか-い	Internal / Gastro / Stomach	Nội / Tiêu hóa / Dạ dày	Dalam / Pencernaan / Lambung	အတွင်း / အေး / ဝေးလံ	ひろの内科クリニック	本郷北方 3582-1	0985-52-7311
				胃内	い-ないか	Stomach / Internal	Đạ dày / Nội	Lambung / Dalam	အေး / အတွင်း / ဝေးလံ	やまもと胃腸内科	本郷 4丁目 1-5-1	0985-82-6370
胃 消化 内	い-こうもん-しょうか			Stomach / Proctology / Gastro	Đạ dày / Hậu môn / Tiêu hóa	Lambung / Anus / Pencernaan	အေး / အိတ် / အေး	いきめ大塚-肛門内科内科	浮田 3099	0985-48-2500		
脳外	のう			Neurosurgery	Ngôi thần kinh	Bedah saraf	Đầu não thần kinh	Điêu trị thần kinh	かわそえクリニック	大島町 1445-65	0985-78-3077	
整	ほね			Orthopedics	Chỉnh hình	Ortopedi	Chỉnh hình	Chỉnh hình	やまもと整形外科	赤内町 984-1	0985-89-5800	
整	ほね			Orthopedics	Chỉnh hình	Ortopedi	Chỉnh hình	Chỉnh hình	ごとう整形外科	阿波崎原町 2011-3	0985-61-6161	
耳鼻咽喉	みみ-はな-のど			ENT	Tai mũi họng	THT	Tai mũi họng	THT	佐土原病院	佐土原町上田島 3873	0985-74-0012	
眼	め			Eye	Nhãn khoa	Mata	Nhãn khoa	Mata	すみよし中央眼科	島之内 7403	0985-86-8555	
泌尿	ひにょうき-ないか			Urology / Internal	Tiết niệu / Nội	Urologi / Dalam	Tiết niệu / Nội	Urologi / Dalam	大工町すずえ腎泌尿器科 内科	大工町 1-10-28	0985-78-3010	
婦	じょせい			Gynecology	Phụ khoa	Ginekologi	Phụ khoa	Ginekologi	おげレディスクリニック	横通東 4-6-1	0985-77-8288	
清沢町 Kiyotake	皮膚			はだ	Dermatology	Da liễu	Kulit	Da liễu	たじり皮膚科医院	清沢町加納 2-41-1	0985-84-1110	
高岡町 Takakia	整 内			ほね-ないか	Orthopedics / Internal	Chỉnh hình / Nội	Ortopedi / Dalam	Chỉnh hình / Trong	藤生整形外科クリニック	高岡町内山 3127	0985-82-0005	
2026-05-06	宮崎市 Miyazaki			小	こども	Pediatrics	Nhi khoa	Anak	ນະຄອນລາວ	たかぎ小児科・心臓小児科	横通東 1丁目 12-13	0985-24-9032
				内 呼吸内	ないか-こきゅう	Internal / Respiratory	Nội / Hô hấp	Dalam / Paru	အတွင်း / အသက်ရှူ	せきせき診療	大塚町西 1-1-44	0985-47-0777
				内 消化 胃	ないか-しんぞう	Internal / Cardio	Nội / Tim mạch	Dalam / Jantung	အတွင်း / နှလုံး	まきのクリニック	天満 1-1-7	0985-64-2789
				内 循環	ないか-しんぞう	Internal / Cardio	Nội / Tim mạch	Dalam / Jantung	အတွင်း / နှလုံး	西条クリニック	倉崎 1455-1	0985-41-3011
		内 呼吸 外科	ないか-こきゅう-ほね-げか	Internal / Respiratory / Radiology / Surgery	Nội / Hô hấp / X-quang / Ngoại	Dalam / Paru / Radiologi / Bedah	အတွင်း / အသက်ရှူ / ဖတ်ဖျက် / ဖြတ်	横口医院	江平中町 7-18	0985-24-3762		
		胃 外科 内	い-げか-ないか	Stomach / Surgery / Internal	Đạ dày / Ngoại / Nội	Lambung / Bedah / Dalam	အေး / အိတ် / ဖြတ် / အတွင်း / ဝေးလံ	こしい胃腸科外科	島之内 6725-4	0985-30-2255		
		整	ほね	Orthopedics	Chỉnh hình	Ortopedi	Chỉnh hình	Chỉnh hình	ふなもと整形外科	宮崎町市原町東上郡町 14983-1	0985-30-5100	
		整	ほね	Orthopedics	Chỉnh hình	Ortopedi	Chỉnh hình	Chỉnh hình	川越整形外科医院	大塚町大迫南平 4446	0985-53-4873	
		耳鼻咽喉	みみ-はな-のど	ENT	Tai mũi họng	THT	Tai mũi họng	THT	定永耳鼻咽喉科医院	高千穂通 2-2-1	0985-23-6597	
		眼	め	Eye	Nhãn khoa	Mata	Nhãn khoa	Mata	中島眼科	大塚 2-158	0985-78-0600	
		皮膚	はだ	Dermatology	Da liễu	Kulit	Da liễu	Kulit	中野医院	横通東 4-6-18	0985-22-2695	
		泌尿	ひにょうき-ないか	Urology / Internal	Tiết niệu / Nội	Urologi / Dalam	Tiết niệu / Nội	Urologi / Dalam	ふじい腎泌尿器科クリニック	大島町 2168	0985-41-5070	
		産婦	さんぷじんか	OB-GYN	Sản phụ khoa	Obgyn	Sản phụ khoa	Obgyn	産科・婦科大塚クリニック	横通東 1-5-20	0985-24-3808	
		田野町 Tano	整	ほね	Orthopedics	Chỉnh hình	Ortopedi	Chỉnh hình	まつもと整形外科医院	田野町 5814-6	0985-86-0566	
		高岡町 Takakia	内 胃	ないか-い	Internal / Stomach	Nội / Dạ dày	Dalam / Lambung	အတွင်း / ဝေးလံ	中島内科胃腸科クリニック	花見 944-3	0985-82-0300	
		2026-05-10	宮崎市 Miyazaki	小	こども	Pediatrics	Nhi khoa	Anak	ນະຄອນລາວ	佐藤小児科	清永 3-1-8	0985-22-4705
				内 呼吸 リウ	ないか-こきゅう-リウマチ	Internal / Respiratory / Rheumatology	Nội / Hô hấp / Cơ xương khớp	Dalam / Paru / Rematik	အတွင်း / အသက်ရှူ / အေး	さきさきクリニック	大塚町 41-1	0985-62-3322
				内	ないか	Internal Medicine	Nội khoa	Dalam	အတွင်း / ဝေးလံ	木俣直内科医院	千原町 13-5	0985-22-3906
内 胃	ないか-い			Internal / Stomach	Nội / Dạ dày	Dalam / Lambung	အတွင်း / ဝေးလံ	堀川内科クリニック	佐土原町東上郡町 14901-4	0985-74-0058		
外科 内 胃 消化	げか-ないか-い-こうもん			Surgery / Internal / Stomach / Proctology	Ngôi / Nội / Dạ dày / Hậu môn	Bedah / Dalam / Lambung / Anus	Điêu trị / Trong / Tiêu hóa / Phục hồi chức năng	Điêu trị / Trong / Tiêu hóa / Phục hồi chức năng	横島医院	大塚町長峰崎 3526-2	0985-51-7700	
外科	げか-ないか			Surgery / Internal	Ngôi / Nội	Bedah / Dalam	Điêu trị / Trong	Điêu trị / Trong	南郡病院	恒久 891-14	0985-54-5353	
整	ほね			Orthopedics	Chỉnh hình	Ortopedi	Chỉnh hình	Chỉnh hình	田田整形外科医院	大字浮田 3013-1	0985-47-1162	
整	ほね			Orthopedics	Chỉnh hình	Ortopedi	Chỉnh hình	Chỉnh hình	谷口整形外科	丸山 1-21	0985-61-1388	
耳鼻咽喉	みみ-はな-のど			ENT	Tai mũi họng	THT	Tai mũi họng	THT	香浦耳鼻咽喉科医院	江平東 1-4-6	0985-22-2866	
眼	め			Eye	Nhãn khoa	Mata	Nhãn khoa	Mata	川島眼科	上野町 2-36	0985-22-4386	
皮膚	はだ			Dermatology	Da liễu	Kulit	Da liễu	Kulit	くもみ皮膚科	恒久 6980	0985-50-9630	
婦	じょせい			Gynecology	Phụ khoa	Ginekologi	Phụ khoa	Ginekologi	ARTレディスクリニックやまうち	高千穂通 2-5-5	0985-32-0511	
清沢町 Kiyotake	小			こども	Pediatrics	Nhi khoa	Anak	ນະຄອນລາວ	かわむら小児科	清沢町加納 3-25-1	0985-84-3200	
横 Aya	内			ないか	Internal Medicine	Nội khoa	Dalam	အတွင်း / ဝေးလံ	経い診療所	横町南横 319-4	0985-30-7383	